

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM

Trần Phi Công

CỔ VẬT VIỆT NAM THỜI TRẦN - LÊ
(TỪ THẾ KỶ XIII ĐẾN THẾ KỶ XVIII) TẠI HÀ TỈNH

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ VĂN HÓA HỌC

Ngành: Văn hóa học

Mã số: 9229040

Hà Nội - 2025

Công trình được hoàn thành tại:
VIỆN VĂN HÓA, NGHỆ THUẬT, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VIỆT NAM
BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Phản biện 1: PGS.TS Trịnh Thị Minh Đức

Đại học Văn hóa Hà Nội

Phản biện 2: GS.TS Trịnh Sinh

Hội Khảo cổ học Việt Nam

Phản biện 3: PGS.TS Tống Trung Tín

Hội Khảo cổ học Việt Nam

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án họp tại
Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam
Số 32, phố Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội
Vào lúc 14 giờ, ngày 26 tháng 12 năm 2024

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

NGHIÊN CỨU SINH



GS.TS Nguyễn Chí Bền



Trần Phi Công

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Mai Thị Thùy Hương

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- **Thư viện Quốc gia Việt Nam;**
- **Thư viện Viện Văn hóa, Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch Việt Nam.**

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hiện nay có nhiều công trình nghiên cứu cổ vật Việt Nam nói chung và Hà Tĩnh nói riêng. Những công trình đó góp phần nhận diện, bảo tồn và phát huy loại hình Di sản văn hóa vật thể (DSVHVT), đặc thù này nhằm phục vụ nghiên cứu lịch sử, văn hóa, xã hội và phát triển kinh tế. Nghiên cứu cổ vật và cổ vật thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh thông qua khai quật khảo cổ học, khảo sát sưu tầm cổ vật tại các địa phương trong tỉnh đã diễn ra nhiều năm trở lại nay. Tuy nhiên, hiện nay rất cần có một nghiên cứu đề tài luận án *Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh* vì có 3 lý do chính về mặt lý luận, khoa học và thực tiễn.

Về lý luận, nghiên cứu cổ vật thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh góp phần làm sáng tỏ những sáng tạo văn hóa của con người, qua đó làm sáng tỏ bản sắc văn hóa tộc người, quốc gia. Trước tiên, cổ vật được sinh ra trong quá trình lao động sản xuất và lao động nghệ thuật của con người trong một giai đoạn lịch sử cụ thể nên mang dấu ấn thời đại sinh ra chúng. Nó là kết quả của quá trình sáng tạo của con người của mỗi tộc người, quốc gia nên nó có bản sắc riêng của một vùng văn hóa và của một quốc gia nhất định. Do đó, việc nghiên cứu cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh là nghiên cứu sự sáng tạo văn hóa, truyền bá văn hóa và văn hóa vùng trong sự đa dạng và phong phú của nó ở một giai đoạn lịch sử cụ thể là thời Trần - Lê, ở một địa phương cụ thể là tỉnh Hà Tĩnh.

Về khoa học, cổ vật là một thực thể văn hóa. Việc nghiên cứu chúng sẽ góp phần phát triển ngành văn hóa học. Văn hóa học là một ngành khoa học xã hội nghiên cứu chuyên sâu về các nền văn hóa trên thế giới, nghiên cứu các lĩnh vực thuộc phạm trù văn hóa và các lĩnh vực liên quan đến văn hóa từ nhân văn, tự nhiên, khoa học và xã hội. Cổ vật là DSVHVT thuộc lĩnh vực văn hóa. Việc nghiên cứu cổ vật theo hướng văn hóa học sẽ khác với nghiên cứu của các ngành khác. Nó có lý thuyết, cách tiếp cận và phương pháp riêng. Việc nghiên cứu cổ vật

Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XIII) tại Hà Tĩnh theo hướng văn hóa học sẽ là hướng đi đầy tiềm năng, mở ra nhiều triển vọng mới khi nghiên cứu thực thể văn hóa này.

Về thực tiễn, Hà Tĩnh là tỉnh có một lượng cổ vật rất lớn. Nên việc nghiên cứu chúng là thực sự cần thiết. Theo thống kê của Sở VH, TT&DL Hà Tĩnh, hiện nay, tỉnh Hà Tĩnh có 1.800 di tích trong và 2 bảo tàng: Bảo tàng tỉnh Hà Tĩnh (BTHT) và Bảo tàng Hoa Cương. Các di tích và bảo tàng đó còn lưu giữ 4.935 cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII).

Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh với đặc điểm và giá trị, là nguồn sử liệu hết sức quan trọng giúp chúng ta nghiên cứu nhiều mặt về đời sống xã hội. Tuy nhiên, hiện nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện theo hướng văn hóa học cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh. Chính vì vậy, Nghiên cứu sinh (NCS) chọn đề tài Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh làm đề tài luận án tiến sĩ nhằm góp phần lấp khoảng trống trên.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài *Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh* nhằm hướng tới mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu sau:

2.1. Mục đích nghiên cứu

Để làm sáng tỏ nội dung đề tài luận án, bằng cách áp dụng các lý thuyết và cách tiếp cận văn hóa học và các phương pháp nghiên cứu khác nhau, NCS đã tập trung nghiên cứu đưa ra kết quả với cái nhìn chung nhất về lý thuyết cũng như thực tiễn về cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê ở Hà Tĩnh. Nêu bật sự đa dạng và phong phú về chất liệu, niên đại, chức năng sử dụng của cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê được phát hiện, sưu tầm tại Hà Tĩnh mảnh đất từng là vùng phen giậu của quốc gia Đại Việt. Làm rõ được đặc điểm, giá trị và những nét riêng cổ vật thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh để từ đó chứng minh được quá trình truyền bá, tiếp biến, ảnh hưởng văn hóa vùng miền

đối với cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh. Luận án cũng so sánh cổ vật thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh và các cổ vật có niên đại trước đó và sau đó, đồng thời so sánh chúng với với các địa phương khác, góp phần giúp chúng ta giải thích các vấn đề lịch sử đối với mảnh đất, con người Hà Tĩnh trong sự trao truyền, kế thừa những giá trị tốt đẹp, ưu việt từ các miền đất nước hội tụ về Hà Tĩnh.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu, NCS tập trung các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Thống kê, phân loại, khảo cứu các nhóm hiện vật theo các tiêu chí chất liệu, theo mục đích sử dụng, theo niên đại, để từ đó có cái nhìn đa chiều về chúng và góp phần làm sáng tỏ những vấn đề mà mục đích tổng quát của luận án đặt ra.

- Đối chiếu, so sánh giữa các cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh với cổ vật các thời kỳ khác, với các tỉnh lân cận để thấy đặc điểm và giá trị của chúng.

- Thông qua sử dụng các phương pháp nghiên cứu để phân tích, nêu bật đặc điểm và giá trị cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh, luận án góp phần có thêm những luận cứ khoa học tin cậy làm sáng tỏ các vấn đề lịch sử, văn hóa Hà Tĩnh thời Trần - Lê.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Phạm vi thời gian: Thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII).

Phạm vi nội dung: Cổ vật Việt Nam thông qua việc nghiên cứu các cổ vật tại BTHTT, Bảo tàng Hoa Cương và tại các di tích lịch sử - văn hóa được xếp hạng quốc gia và cấp tỉnh niên đại thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh; những đặc điểm, giá trị cũng như những nét riêng của chúng.

4. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Câu hỏi 1: Cổ vật thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh có phong phú và đa dạng không?

Câu hỏi 2: Đặc điểm và giá trị cổ vật thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh có thể hiện bản sắc văn hóa Việt Nam tại Hà Tĩnh không?

Câu hỏi 3: Trong diện mạo cổ vật xứ Nghệ và cổ vật Việt Nam, cổ vật ở Hà Tĩnh thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) có những đặc điểm nào?

4.2. Giả thuyết nghiên cứu

Để tiến hành nghiên cứu đề tài luận án, NCS đưa ra một số giả thuyết nghiên cứu như sau:

Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) được phát hiện, sưu tầm và lưu giữ tại Hà Tĩnh có sự phong phú và đa dạng về loại hình, chất liệu và chức năng sử dụng.

Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) được phát hiện, sưu tầm và lưu giữ tại Hà Tĩnh có những đặc điểm và giá trị riêng thể hiện lịch sử, văn hóa của tỉnh Hà Tĩnh.

Yếu tố điều kiện tự nhiên, con người và xã hội ở Hà Tĩnh - vùng phen giậu phía Nam của quốc gia Đại Việt có ảnh hưởng đến cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh trong tổng thể cổ vật Việt Nam.

5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cách tiếp cận

Luận án *Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh* sử dụng cách tiếp liên ngành văn hóa học, bảo tàng học, di sản học, lịch sử, khảo cổ học, Hán Nôm học, văn bản học... để nghiên cứu cổ vật thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài luận án Tiến sĩ *Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh* được áp dụng nhiều phương pháp

nghiên cứu khác nhau như phương pháp tổng hợp và nghiên cứu tài liệu, phương pháp phân loại, thống kê, so sánh, phương pháp khảo sát - điền dã, phương pháp nghiên cứu đại diện.

6. Đóng góp của luận án

6.1. Về mặt lý luận

Việc vận dụng các lý thuyết truyền bá văn hóa, văn hóa vùng, lý thuyết chức năng và lý thuyết về giá trị để nghiên cứu cổ vật thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) cho ra nhiều đóng góp về mặt lý luận.

Thông qua việc áp dụng các phương pháp nghiên cứu, lý thuyết nghiên cứu, NCS đã làm sáng tỏ việc hình thành nên sự phong phú, đa dạng các cổ vật, những đặc điểm và giá trị của cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh.

6.2. Về thực tiễn

Kết quả nghiên cứu là nguồn tư liệu, cơ sở khoa học đáng tin cậy phục vụ công tác nghiên cứu truyền thống lịch sử, văn hóa, chính trị, mỹ thuật, thương mại, tập quán xã hội, địa chí, tôn giáo... ở Việt Nam cũng như ở Hà Tĩnh.

Kết quả nghiên cứu là cơ sở cho việc bảo tồn và phát huy sự phong phú và đa dạng; đặc điểm và giá trị của cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh, góp phần xây dựng đời sống cổ ngoạn và phục vụ chính lý cổ vật ở Việt Nam nói chung và ở Hà Tĩnh nói riêng.

7. Kết cấu của luận án

Bản luận án Tiến sĩ gồm có 2 phần: Chính văn và phụ lục. Phần chính văn gồm: Mở đầu (8 trang), Kết luận (3 trang), Tài liệu tham khảo (11 trang) và 3 chương luận án:

Bản luận án gồm có 2 phần: Chính văn và phụ lục. Phần chính văn của luận án gồm: Mở đầu (9 trang), Kết luận (4 trang), Tài liệu tham khảo (12 trang) và 3 chương luận án:

Chương 1: Tổng quan về tình hình nghiên cứu, không gian nghiên cứu và cơ sở lý luận (39 trang).

Chương 2: Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh: Số lượng và phân loại (53 trang).

Chương 3: Bàn luận về cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh (61 trang).

Phần phụ lục (60 trang) gồm: Bản đồ, ảnh, bản dập cổ vật, nguyên văn, phiên âm, dịch nghĩa chữ Hán Nôm trên cổ vật và bảng thống kê.

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, KHÔNG GIAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu cổ vật thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Việt Nam và tại Hà Tĩnh

1.1.1. Tình hình nghiên cứu cổ vật thời Trần - Lê tại Việt Nam

Cổ vật thời kỳ Trần - Lê tại Việt Nam từ trước tới nay được giới nghiên cứu quan tâm, thông qua việc khai quật khảo cổ học, nhiều hội thảo khoa học và việc biên soạn các ấn phẩm liên quan đến thời kỳ này. Việc sưu tầm các cổ vật thời kỳ này cũng được các cơ sở công lập và ngoài công lập quan tâm, góp phần bảo tồn và phát huy loại hình di sản cổ vật quý giá của dân tộc.

Tiêu biểu cho kết quả nghiên cứu cổ vật thời Trần - Lê là việc khai quật khảo cổ học Hoàng thành Thăng Long từ năm 2002 đến năm 2004 đã phát lộ dấu tích kiến trúc cung điện và phát hiện nhiều loại hình cổ vật của Hoàng cung Thăng Long qua các thời kỳ từ thời tiền Thăng Long đến thời Lý, Trần, Lê sơ, Mạc, Lê Trung hưng, Tây Sơn và Nguyễn, nơi hội tụ các giá trị lịch sử văn hóa Việt Nam, thể hiện sự tiếp nối, liên tục của kinh đô Thăng Long trong chiều dài lịch sử của dân tộc.

Ngoài ra, nhiều ấn phẩm có đề cập đến cổ vật thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) cũng được xuất bản, đáng chú ý như cuốn *Đại cương về cổ vật ở Việt Nam* năm 2004 của tác giả Nguyễn Thị Minh Lý (Trường Đại học Văn hóa Hà Nội); *Tiền kim loại Việt Nam* năm 2005, *Cổ vật Việt Nam* năm 2010 của Bảo tàng Lịch sử Quốc gia; cuốn *Gốm hoa lam Việt Nam* của tác giả Bùi Minh Trí - Kerry Nguyễn - Long, Nxb Khoa học Xã hội, năm 2001;

... Đây là những ấn phẩm do các tác giả dày công nghiên cứu có tính khoa học cao.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu cổ vật thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh

Hà Tĩnh được tái lập vào năm 1991. Kể từ đó đến nay, tại Hà Tĩnh đã tổ chức khảo sát điền dã, khai quật khảo cổ và tiến hành hàng trăm đợt sưu tầm các cổ vật thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII). Tiêu biểu có nhiều cuộc khai quật khảo cổ ở đền Huyện, thương cảng cổ Hội Thống ở Nghi Xuân, nhà thờ Trần Tịnh, nhà thờ họ Nguyễn Huy ở Can Lộc, khảo sát ở Lộc Hà, cửa Khẩu ở Kỳ Anh... đã sưu tầm được hàng trăm cổ vật gồm sứ thời Trần - Lê.

Nhìn chung, việc nghiên cứu khảo cổ học về cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh mới chỉ dừng lại ở những cuộc khai quật một số di tích đó còn mang tính chất đơn lẻ, chưa toàn diện.

Sách, báo, tạp chí viết về cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh nổi bật có sách *Những phát hiện tiền cổ ở Hà Tĩnh* do PGS.TS Hoàng Văn Khoán chủ biên, Nxb Đại học Vinh năm 2019 Sách *Sắc phong Hà Tĩnh*, tập 1, tập 2 do BTHTT chịu trách nhiệm xuất bản năm 2014, 2015; sách *Văn bia Hà Tĩnh*, BTHTT biên soạn, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội xuất bản năm 2017; cuốn *Thức dậy quá khứ*, Nxb Khoa học Xã hội năm 2018, do PGS.TS Hoàng Văn Khoán chủ biên; cuốn *Cổ vật Hà Tĩnh*, Nxb Đại học Vinh, năm 2020 do Đậu Khoa Toàn, Đặng Hồng Sơn và Trần Phi Công đồng chủ biên.

Như vậy, từ trước tới nay chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện dưới góc độ văn hóa học về cổ vật thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh.

1.2. Không gian nghiên cứu: Mảnh đất và con người tỉnh Hà Tĩnh

1.2.1. Khái quát về Hà Tĩnh

Hà Tĩnh là một tỉnh ở Bắc Trung Bộ có 10 huyện, 1 thành phố và 2 thị xã. Hà Tĩnh chỉ có 1 dân tộc thiểu số là dân tộc Chứt sống ở bản Rào Tre (xã Hương Liên, huyện Hương Khê) và 1 phần rất ít người Lào.

Về tổng thể, chúng ta thấy địa lý Hà Tĩnh gồm bốn dạng địa hình

cơ bản. Thứ nhất, là vùng núi cao thuộc phía Đông của dãy Trường Sơn; bao gồm các xã phía Tây của huyện Hương Sơn, Hương Khê và Kỳ Anh. Địa hình dốc bị chia cắt mạnh, hình thành các thung lũng nhỏ hẹp chạy dọc theo các triền sông lớn của hệ thống sông Ngàn Phố, Ngàn Sâu và Rào Trỏ [95, tr.9 - 10].

Vùng Hà Tĩnh có sáu cửa biển và hệ thống sông ngòi dày đặc, nhưng chiều dài tương đối ngắn, lưu vực nhỏ, tốc độ dòng chảy lớn, phân bố theo mùa rõ rệt, do ảnh hưởng mưa lũ ở thượng nguồn. Những vùng hạ du nhiễm mặn do chế độ thủy văn.

Hà Tĩnh nằm trong khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng khí hậu chuyển tiếp giữa miền Bắc và miền Nam.

1.2.2. Hà Tĩnh thời Trần - Lê

Nhà Trần (1225 - 1400), là một triều đại phong kiến có nhiều đóng góp to lớn trong lịch sử Việt Nam với ba lần chiến thắng quân Nguyên Mông xâm lược. Phật hoàng Trần Nhân Tông là người sáng lập nên thiền phái Trúc Lâm Yên Tử còn tồn tại đến ngày nay.

Thời Trần, Hà Tĩnh tuy không phải là biên viễn nữa, nhưng cũng là phen giậu thứ ba phía Nam của quốc gia Đại Việt, xa chính quyền trung ương, nên ban đầu còn được xem là trại.

Thời Trần, Hà Tĩnh trở thành địa phương quan trọng của quốc gia Đại Việt, được chính quyền trung ương quan tâm, quản lý chặt chẽ.

Thời Trần, công cuộc khai hoang đất đai, xây làng lập ấp, phát triển kinh tế ở Hà Tĩnh được tiến hành mạnh mẽ,

Như vậy, cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV, Hà Tĩnh đã trở thành vùng đất đông dân với nhiều làng mạc từ miền núi đến miền biển, từ ngoài Bắc đến vào Nam, tạo điều kiện cho việc phát triển kinh tế xã hội, ổn định chính trị, phát triển giáo dục bắt kịp với các vùng khác trong cả nước.

Thời Trần, Phật giáo khá thịnh nên chùa tháp có điều kiện phát triển. Kiến trúc Phật giáo ở Hà Tĩnh tiêu biểu thời kỳ này có chùa Hương Tích, chùa Thiên Tượng ở Hồng Lĩnh, chùa Bàn Độ ở Kỳ Anh, am Quỳnh Viên trên núi Nam Giới, chùa Tháp (đền Huyện - Nghi Xuân), tháp Cửu Diện ở núi Nghèn (Can Lộc), chùa Rối (ở

Cầm Xuyên)...

Trải qua gần 3 thập kỷ kháng chiến chống quân Minh (1400 - 1428), đất và người Hà Tĩnh góp phần quan trọng cùng cả nước làm nên thắng lợi chống giặc ngoại xâm vào đầu thế kỷ XV.

Thời Lê sơ, phong trào khai cơ lập làng phát triển. Nghề thủ công nghiệp phát triển.

Thời Lê Trung hưng cũng ghi nhận quá trình tụ cư, phát triển về xã hội, văn hóa, giáo dục ở tỉnh Hà Tĩnh. Đây là thời kỳ nổi lên các sĩ tộc có đóng góp lớn cho chính quyền Lê - Trịnh, đạt thành tích xuất sắc trong giáo dục, khoa cử và hoạn lộ.

Thời kỳ Lê Trung hưng ở Hà Tĩnh cũng ghi nhận sự phát triển kinh tế, thương mại lưu thông hàng hóa, tiền tệ, đặc biệt là ngoại thương.

1.3. Một số khái niệm sử dụng trong luận án

- Di sản văn hóa

Theo *Luật Di sản Văn hóa* năm 2001, Di sản văn hóa (DSVH) bao gồm DSVH phi vật thể và DSVH vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa (CHXHCN) Việt Nam.

Luật DSVH năm 2001 và 2009 của Nước CHXHCN Việt Nam định nghĩa DSVHVT là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

- Cổ vật

Luật DSVH năm 2001 của Nước CHXHCN Việt Nam quy định cổ vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hoá, khoa học, có từ một trăm năm tuổi trở lên.

- **Giá trị lịch sử** là truyền thống dựng nước và giữ nước quý báu của dân tộc mà tiền nhân để lại, trao truyền lại cho đến ngày nay.

- **Giá trị lịch sử của cổ vật** là chứng nhân lịch sử, là nguồn sử liệu xác thực của cổ vật bên cạnh sử sách và truyền thuyết.

- **Giá trị văn hóa** là một hình thái của đời sống tinh thần, được phản ánh và kết tinh đời sống văn hóa của con người, giúp điều tiết

hành vi và định hướng sự phát triển tới chân - thiện - mỹ, góp phần tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững của các quốc gia - dân tộc trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

- **Giá trị văn hóa của cổ vật** là nơi lưu giữ truyền thống văn hóa của tiền nhân để lại.

- **Giá trị khoa học của cổ vật** là tính khách quan của thông tin gốc của cổ vật.

- **Giá trị thẩm mỹ của cổ vật** là khả năng cổ vật đem đến cho con người những cảm nhận về cái đẹp thông qua hình dáng, kích thước, hoa văn trang trí của cổ vật.

1.4. Cơ sở lý luận, cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu

- Trong đề tài luận án Tiến sĩ *Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh*, NCS thực hiện đề tài áp dụng một số lý thuyết văn hóa, trong đó có lý thuyết đặc thù văn hóa của Franz Boas (1858 - 1942).

- Lý thuyết truyền bá văn hóa của học trò Franz Boas là Alfred Kroeber (1876 - 1960) và Clark Wissler (1870 - 1947). Đây là lý thuyết được sử dụng nhiều nhất trong luận án. Trong đó có khái niệm “vùng văn hóa” và đặc trưng văn hóa để nghiên cứu sự phân bố không gian của một hoặc nhiều đặc trưng văn hóa của các nền văn hóa ở gần nhau và phân tích quá trình lan truyền của chúng.

- Trong luận án, NCS cũng áp dụng lý thuyết chức năng vào nghiên cứu.

- Luận án cũng sử dụng lý thuyết về giá trị nêu bật giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ và kinh tế của cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê.

- Ngoài ra, đề tài luận án cũng áp dụng cái nhìn, tiếp cận chỉnh thể. Một nền văn hóa không phải là tổng của các thành tố mà tất cả các thành tố văn hóa của một nền văn hóa đều có sự nối kết chặt chẽ mang tính hữu cơ nhau; khi nghiên cứu một thành tố văn hóa nào đó, không thể không quan tâm đến các yếu tố bối cảnh tự nhiên, chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của cộng đồng nơi văn hóa đó được sinh ra và tồn tại.

Tiểu kết

Như vậy, cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê nói chung và cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh nói riêng là đề tài nghiên cứu của nhiều cơ quan trung ương và địa phương thông qua việc khai quật khảo cổ học và nghiên cứu văn hóa học.

Cũng trong chương này, NCS đã giới thiệu một cách cô đọng, khái quát những đặc điểm tiêu biểu về lịch sử, văn hóa của mảnh đất và con người thời Trần - Lê giúp chúng ta có cái nhìn chính thể, giúp ích cho việc nghiên cứu đề tài luận án.

Để có nhận thức thống nhất, chính xác và hợp lý về vấn đề nghiên cứu, NCS cũng làm rõ một số khái niệm sử dụng liên quan đến đối tượng nghiên cứu.

Để làm nổi bật và hiểu rõ được đối tượng nghiên cứu, NCS đã áp dụng các lý thuyết, hướng tiếp cận nghiên cứu khác nhau, bổ sung cho nhau; từ sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành của văn hóa học với văn hóa vật chất, điều tra, điền dã, đến thống kê, phân loại, so sánh, nghiên cứu đại diện.

Chương 2

CỔ VẬT VIỆT NAM THỜI TRẦN - LÊ TẠI HÀ TĨNH: SỐ LƯỢNG VÀ PHÂN LOẠI

2.1. Số lượng cổ vật thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh

Hiện nay, cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh được lưu giữ và trưng bày tại các cơ sở thờ tự và bảo tàng, ban quản lý di tích của Hà Tĩnh.

STT	Địa điểm	Cổ vật thời Trần	Cổ vật thời Lê	Tổng cộng
1	BTTHT	322	3875	4197
2	Bảo tàng Hoa Cương	23	96	119
3	Các di tích	0	619	619
	Tổng cộng	345	4588	4935

Bản thống kê số lượng cổ vật của bảo tàng và di tích tại Hà Tĩnh

Nguồn: BTTHT

2.2. Phân loại cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh

2.2.1. Phân loại cổ vật thời Trần - Lê theo chất liệu

2.2.1.1. Cổ vật bằng giấy

Cổ vật giấy thời Lê Trung hưng tại Hà Tĩnh chủ yếu là sắc phong. Cũng giống như các DSVH khác, sắc phong Hà Tĩnh thời Lê Trung hưng phản ánh lịch sử, chính trị, văn hóa, xã hội đương thời. Qua thống kê cho thấy, hiện nay sắc phong thời Lê Trung hưng còn 202 sắc phong cho nhân thần và thần tự nhiên ở Hà Tĩnh.

2.2.1.2 Cổ vật bằng gỗ

Ở Hà Tĩnh chưa phát hiện được cổ vật bằng gỗ niên đại thời Trần và thời Lê sơ. Cổ vật Việt Nam bằng gỗ thời Lê Trung hưng còn sót lại tiêu biểu có *Mộc bản Trường học Phúc Giang* và mộ thuyền Thiên Lộc. *Mộc bản Trường học Phúc Giang* gồm 379 bản, dùng để in 3 tập sách giáo khoa kinh điển (gồm 12 quyển) được “toàn yếu” nhưng “đại toàn” của Nho giáo. Mộ thuyền Thiên Lộc được phát hiện năm 2004 ở cánh đồng Đầm bằng phẳng, dưới chân núi Hồng Lĩnh thuộc xã Thiên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

2.2.1.3. Cổ vật bằng đá

Ở Hà Tĩnh chưa phát hiện cổ vật bằng đá thời Trần. Cổ vật bằng đá chủ yếu ở thời Lê Trung hưng tại Hà Tĩnh có bia ký, khánh đá và tượng thú thờ ở các di tích.

Bia ký cổ là một loại hình DSVHVT đặc biệt, là nguồn tư liệu gốc chứa đựng nhiều thông tin quý giá phản ánh nhiều mặt của đời sống xã hội trong quá khứ như lịch sử, văn hóa, giáo dục, tín ngưỡng, tôn giáo, phong tục, tập quán...

2.2.1.4. Cổ vật bằng đồng

Cổ vật bằng đồng thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh bao gồm chuông, ấn chương, sách, tiền cổ. Hiện có ba quả chuông thời Trần được công nhận bảo vật quốc gia: Chuông chùa Bình Lâm (ở tỉnh Hà Giang), chuông chùa Vân Bản (tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia) và chuông chùa Rối (ở BTHT).

Chuông chùa Rối mang những đặc trưng của chuông thời Trần,

đã được công nhận bảo vật gia. Hiện nay chuông thời Trần rất hiếm và đều đã trở thành Bảo vật quốc gia là chuông chùa Vân Bản phát hiện ở Đồ Sơn - Hải Phòng do Bảo tàng Lịch sử Quốc gia bảo quản và chuông chùa Bình Lâm hiện được chùa Bình Lâm, xã Phú Linh, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang bảo quản.

Ấn sảnh Môn Hạ là bảo vật hiếm hoi còn sót lại mang dấu ấn của nền hành chính quốc gia cuối thời Trần được biết đến cho đến tận ngày nay.

Tiền đồng thời Hậu Lê có sự phát triển rực rỡ. Đặc biệt là thời Lê sơ, do nhu cầu của xã hội, tiền đồng được đúc rất nhiều, có tính thẩm mỹ cao và đã trở thành chuẩn mực. Tiền thời Lê Trung hưng phát hiện ở 6 địa phương của Hà Tĩnh, niên hiệu Cảnh Hưng, vua Lê Hiển Tông (1740 -1786) đúc nhiều tiền nhất.

Ngoài ra cổ vật bằng đồng thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh còn có Ấn Hành Tại Sơn Thành Dĩ Đốc Lang Tướng Ty đúc năm Hồng Thuận thứ 2 (1510); tượng cổ Quan Thế Âm Bồ Tát; tượng A Di Đà chùa Hương Tích; cuốn sách bằng đồng *Hậu thần thư ký*.

2.2.1.5. Cổ vật bằng gốm

Đồ gốm Việt Nam thời Trần - Lê khá đa dạng và phong phú vừa là kết quả sản xuất tại chỗ, vừa nhờ giao thương buôn bán dẫn đến việc truyền bá văn hóa từ nhiều địa phương khác nhau đến Hà Tĩnh; bao gồm đồ gốm bình dân và đồ gốm lò quan như liễn, bát, đĩa, hũ, bình, bình vôi... cũng được phát hiện ở Hà Tĩnh với nhiều chất liệu khác nhau như đồ gốm xương trắng, gốm sành. Đặc biệt ở Hà Tĩnh có làng gốm Cẩm Trang (xã Đức Giang - Vũ Quang) xuất hiện từ thời Hậu Lê chuyên sản xuất gốm sành các đồ dùng sinh hoạt phục vụ nhu cầu dân sinh cho khắp vùng Nghệ Tĩnh.

2.2.1.6. Cổ vật bằng vải

Ở Hà Tĩnh, cổ vật bằng vải thời Trần - Lê tồn tại cho đến ngày nay rất ít vì ảnh hưởng bởi thiên tai và dịch họa. Hiện nay, tại đền thờ Nguyễn Văn Giai đang lưu giữ một sắc phong bằng lụa. Sắc phong này rất quý hiếm và độc đáo là sắc phong cho Tể tướng Nguyễn Văn Giai, ở xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh được cấp năm Hoằng Định thứ 11

(1610) đời vua Lê Kính Tông. Ngoài ra, Hà Tĩnh còn có 2 bức trướng bằng vải liên quan đến dòng họ Nguyễn Huy ở Trường Lưu (huyện Can Lộc - Hà Tĩnh).

2.2.2. Phân loại cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh theo niên đại

2.2.2.1. Cổ vật Việt Nam niên đại thời Trần tại Hà Tĩnh

Cổ vật niên đại thời Trần tại Hà Tĩnh bao gồm chất liệu đất nung (50 cổ vật), gốm sứ (251 cổ vật), sành (42 cổ vật) và đồng (2 cổ vật) với các loại hình như vật liệu kiến trúc, đồ dùng sinh hoạt, pháp khí Phật giáo và ấn chương.

2.2.2.2. Cổ vật Việt Nam thời Lê tại Hà Tĩnh

****Cổ vật Việt Nam thời Lê sơ tại Hà Tĩnh***

Cổ vật thời Lê sơ tại Hà Tĩnh chủ yếu là tiền cổ thể hiện được sự phát triển kinh tế, giao thương buôn bán thời kỳ này có bước phát triển mạnh mẽ với nhiều loại tiền bằng đồng.

****Cổ vật Việt Nam thời Lê Trung hưng tại Hà Tĩnh***

Cổ vật thời Lê Trung hưng có số lượng lớn nhất và phong phú và đa dạng nhất với nhiều loại hình như tiền cổ, mộc bản, đồ gốm, bia ký, sắc phong thể hiện quá trình phát triển chính trị, văn hóa, xã hội thời kỳ này với quá trình tụ cư, mật độ dân cư đông đúc và nhiều dòng họ nổi tiếng có đóng góp quan trọng quá trình dựng nước và giữ nước vài thế kỷ XVI - XVII.

2.2.3. Phân loại cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh theo chức năng sử dụng

2.2.3.1. Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê làm đồ dùng sinh hoạt tại Hà Tĩnh

Cổ vật làm đồ dùng sinh hoạt gồm có 619 cổ vật chủ yếu bằng chất liệu gốm sứ và gốm sành dùng để đựng nước, thức ăn, ăn, uống hàng ngày, đựng hạt giống, rượu...

2.2.3.2. Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê phục vụ tín ngưỡng, tôn giáo tại Hà Tĩnh

Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê phục vụ tín ngưỡng tôn giáo tại

Hà Tĩnh có số lượng 83 cổ vật bao gồm sắc phong phong thần cho các vị thần ở Hà Tĩnh, chuông Chùa Rối, tượng Phật A Di Đà (chùa Hương Tích), tượng Quan Thế Âm (chùa Mỹ Lộ), bia ký trùng tu chùa Gia Hưng, bia ký phong hậu thần. Trong số đó sắc phong thần thời Lê Trung hưng có số lượng lớn nhất (65 cổ vật) phong cho nhân thần và thần tự nhiên.

2.2.3.3. *Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê phục vụ kinh tế tại Hà Tĩnh*

Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê phục vụ kinh tế tại Hà Tĩnh chủ yếu là tiền đồng thời Lê sơ và Lê Trung Hưng với 3.507 cổ vật, được chia thành 27 loại. Tiền thời Lê sơ có 11 loại, tiền thời Lê Trung hưng có 16 loại.

2.2.3.4. *Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê phục vụ giáo dục tại Hà Tĩnh*

Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê phục vụ giáo dục tại Hà Tĩnh có tổng cộng 380 cổ vật bao gồm Mộc bản Trường học Phúc Giang (379 cổ vật) và 2 bia ký: *Khoa giáp bi chí* và *Nhâm Thìn khoa tiến sĩ đề danh bi ký*.

2.2.3.5. *Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh có chức năng khác*

Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh có các chức năng khác gồm có 344 cổ vật với nhiều loại hình như bia ký, sắc phong, ấn sảnh Môn Hạ, sách *Hậu Thần thư ký*. Mỗi loại phản ánh truyền thống lịch sử, văn hóa riêng của Hà Tĩnh.

Tiểu kết

Nhìn chung, cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) bao gồm nhiều loại hình với chất liệu khác nhau tương đối đa dạng và phong phú; là di sản được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau thông qua sản xuất tại chỗ, giao thương buôn bán, trao đổi hàng hóa, truyền bá, giao thoa tiếp biến văn hóa giữa các vùng miền trong cả nước.

Qua thống kê, phân loại, so sánh cho chúng ta thấy bức tranh toàn cảnh đầy sắc màu của cổ vật thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh với nhiều loại hình, chất liệu, mỹ thuật, chức năng sử dụng, niên đại kích thước và trọng

lượng, hoa văn trang trí. Mỗi loại hình hiện vật có những đặc điểm riêng trên phương diện hình thức và nội dung.

Chương 3

BÀN LUẬN VỀ CỔ VẬT VIỆT NAM THỜI TRẦN - LÊ TẠI HÀ TĨNH

3.1. Đặc điểm cổ vật thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh

3.1.1. Cổ vật phản ánh giao thương buôn bán của các cửa biển Hà Tĩnh

Hà Tĩnh là một tỉnh có bờ biển dài và nhiều sông suối thuận tiện cho việc giao thông, giao thương buôn bán bằng đường thủy. Thời Trần - Lê, các thương cảng cổ Hà Tĩnh khá phát triển. Đây là những cửa biển quan trọng đối với an ninh, quốc phòng, kinh tế từ xưa đến nay của Hà Tĩnh. Khảo cổ học đã cho thấy nhiều dấu tích đồ gốm, tiền tệ trong giai đoạn này.

Như vậy, các cổ vật như bia ký, tiền cổ, đồ gốm sứ được phát hiện thông qua sưu tầm và khai quật khảo cổ học tại các địa điểm như Hội Thống, Đền Huyền, ven sông Lam, gần các cửa biển và đồng bằng thung lũng dưới chân núi Hồng Lĩnh cũng đã phần nào phản ánh chính xác và sinh động hoạt động giao thương buôn bán tại Hà Tĩnh thông qua các cửa biển giao lưu với các địa phương trong nước, khu vực và quốc tế.

3.1.2. Cổ vật phản ánh truyền thống học hành, khoa cử, hoạn lộ của các cự tộc và làng xã

Hà Tĩnh là vùng đất có truyền thống học hành khoa cử được phản ánh qua nhiều cổ vật còn tồn tại đến ngày nay: *Mộc bản Trường học Phúc Giang*, bia ký, sắc phong.

Sắc phong thời Lê Trung hưng ở Hà Tĩnh cho văn quan chủ yếu là phong chức tước cho họ khi còn sống nổi bật với việc ban cho các dòng họ Nguyễn Huy - Trường Lưu, họ Vương, xã Thạch Kênh, họ Nguyễn Trí, làng Đan Chế (Thạch Hà), họ Nguyễn Văn ở xã Ích Hậu (Lộc Hà) ...

Mộc bản Trường học Phúc Giang là bộ ván khắc do các danh

nhân dòng họ Nguyễn Huy, làng Trường Lưu, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh chế tạo phục vụ in sách giáo khoa tóm tắt kinh điển Nho giáo phục vụ dạy học thời phong kiến từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XX. Đây là di sản văn hóa của một sĩ tộc có truyền thống học hành, khoa cử và thi thư bậc nhất xứ Nghệ đương thời.

Bia đá cổ nội dung liên quan đến giáo dục, khoa cử: *Khoa giáp bi chí, Nguyễn thị danh bi, Nhâm Thìn khoa tiến sỹ đề danh bi ký, Nguyễn gia trang khoa danh điển bi ký*. Các di sản văn hóa này minh chứng cho truyền thống hiếu học và khoa cử ở vùng đất núi Hồng sông La.

3.1.3. Cổ vật phản ánh danh nhân và dòng họ nổi tiếng ở Hà Tĩnh

Các loại hình cổ vật này thường là sắc phong phong chức, mộ bản, đặc biệt là bia ký lưu giữ tại các cơ sở thờ tự các danh nhân của các cự tộc tại các địa phương của tỉnh Hà Tĩnh.

Bia ký cổ có nội dung văn bia ghi tiểu sử, ca ngợi nhân cách của danh nhân, những người đỗ đạt cao hay có công lao lớn với nhà nước phong kiến và cộng đồng làng xã, được mọi người trọng vọng, tôn thờ cho lập bia lưu truyền hậu thế, tiêu biểu có những bia sau: *Văn Lý hầu Trần công bi ký, Sùng Chi bi ký, Nguyễn Tường công bi ký, Ngô Tường công đường ký, Bia Đặng Tường quân, Sự tích bi*. Ngoài bia ký, sắc phong cũng phản ánh rất rõ nhiều dòng họ nổi tiếng ở Hà Tĩnh.

3.1.4. Cổ vật phản ánh các tín ngưỡng, tôn giáo ở Hà Tĩnh

Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh như mộ cổ, sắc phong, bia ký, đồ gốm... phản ánh phong tục tập quán và tín ngưỡng.

Những mộ thuyền Hà Tĩnh mang truyền thống Đông Sơn nhưng khác Đông Sơn.

Bia ký thể hiện tục thờ hậu thần như các bia: *Tôn hậu thần lập thường tự bi ký, Hậu thần bi ký, Phan gia hậu thần bi ký*.

Cổ vật phản ánh tín ngưỡng thờ thần. Sắc phong thời Lê trung hưng còn ban cho nhiều vị nhân thần nổi tiếng ở xứ Nghệ

Chuông chùa Rối thể hiện Phật giáo được truyền bá về vùng phen giậu phía Nam của quốc gia Đại Việt.

3.1.5. Cổ vật phản ánh quá trình ổn định tình hình xã hội và chiến tranh

Là vùng phen giậu của quốc gia Đại Việt, Hà Tĩnh từng là nơi gần với vương quốc Chiêm Thành thời Trần ở phía Nam và là căn cứ của khởi nghĩa Lam Sơn đầu thế kỷ XV, một trong những chiến trường ác liệt của nội chiến Trịnh - Nguyễn thời Lê Trung hưng. Các cổ vật như chuông Chùa Rối, ấn sảnh Môn Hạ, sắc phong, tiền kim loại... đã phản ánh điều đó.

3.1.6. Cổ vật phản ánh quá trình tụ cư của người dân Hà Tĩnh thời Trần - Lê

Khảo cổ học đã chứng minh tại vùng xung quanh chân núi Hồng Lĩnh kéo dài từ cực bắc là huyện Nghi Xuân đến huyện Can Lộc, Lộc Hà phát hiện được rất nhiều cổ vật bằng gốm, mộ cổ và đồ tùy táng như tiền kim loại, hũ gốm... thời Trần cho thấy vùng đất này thời bấy giờ đã hình thành nên xóm làng cư trú lâu dài. Quá trình tụ cư cũng được thể hiện ở các di tích khảo cổ như thương cảng cổ Hội Thống, đền Huyện, cũng như những địa điểm phát hiện ngẫu nhiên ở dọc bờ sông Lam trên địa bàn huyện Nghi Xuân cho thấy mức độ tập trung dân cư ở đây. Sự tập trung dân cư cũng thể hiện qua kết quả khai quật khảo cổ ở gần nhà thờ họ Nguyễn Huy và đền thờ Trần Tĩnh ở xã Kim Song Trường, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh. Bia ký và sắc phong thời Lê Trung hưng cũng ghi nhận quá trình tụ cư, phát triển về xã hội, văn hóa, giáo dục ở tỉnh Hà Tĩnh.

3.2. Giá trị của cổ vật thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh

3.2.1. Giá trị lịch sử

Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh góp phần xác định niên đại, tính chất, tầng văn hóa, những nét đặc trưng khi nghiên cứu các di tích khảo cổ ở Hà Tĩnh; giúp các nhà khảo cổ tìm thấy các di tích khảo cổ mới, góp phần nghiên cứu lịch sử, văn hóa Hà Tĩnh.

Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê góp phần làm sáng tỏ quá trình mở mang bờ cõi của quốc gia Đại Việt về phương Nam, sự dịch chuyển

dòng di cư, tụ cư, thương nghiệp.

3.2.2. Giá trị văn hóa

Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh chứa đựng nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể. Nó phản ánh quá trình giao thoa, tiếp biến văn hóa giữa các vùng miền, quốc gia, dân tộc.

Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh là DSVHVT chứa đựng các giá trị phi vật thể. Bản thân cổ vật đã phản ánh bản sắc văn hóa, trình độ văn minh, tập quán xã hội, tri thức dân gian, bí quyết nghề nghiệp, tư tưởng, quan niệm triết học Á Đông, tư tưởng Phật giáo, Nho giáo, đạo giáo, quan niệm thẩm mỹ, văn học...

3.2.3. Giá trị khoa học

Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê ở Hà Tĩnh là nguồn sử liệu gốc đáng tin cậy để nghiên cứu lịch sử nội ngoại thương, đối ngoại, văn hóa, giáo dục, tư tưởng triết học, tín ngưỡng, tôn giáo, chính trị, xã hội, ngôn ngữ và thư pháp, trình độ công nghệ, trao đổi hàng hóa, tiền tệ, lịch sử đấu tranh sinh tồn với thiên nhiên, với ngoại xâm, thịnh suy của địa phương Hà Tĩnh và dân tộc.

3.2.4. Giá trị thẩm mỹ

Nhiều cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (thế kỷ XIII - XVIII) tại Hà Tĩnh có giá trị thẩm mỹ cao góp phần nghiên cứu lịch sử truyền thống nghệ thuật của địa phương và quốc gia. Những đồ án trang trí như trên nhiều cổ vật như chuông chùa Rôi, bia ký, sắc phong, đồ dùng sinh hoạt, cấu kiện trang trí kiến trúc là những tác phẩm nghệ thuật thực sự cần được nghiên cứu và kế thừa.

3.2.5. Giá trị kinh tế

Khác với các hiện vật khảo cổ và hiện vật bảo tàng khác, ngoài các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ, cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh còn có giá trị kinh tế. Theo thông lệ, giá trị kinh tế của cổ vật tỷ lệ thuận với các giá trị khác. Giá trị kinh tế của cổ vật còn thể hiện chúng là nguồn tài nguyên văn hóa rất quan trọng để phát triển bền vững du lịch, ngành công nghiệp không khói hiện đang rất được quan tâm đầu tư tại tỉnh Hà Tĩnh.

3.3. Cổ vật thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh trong tổng quan cổ vật thời Trần - Lê ở Việt Nam

3.3.1. Cổ vật bằng đá

Sang giai đoạn phong kiến độc lập tự chủ, chất liệu đá chủ yếu được chế tác các loại tượng, bia ký, khánh, tháp, các công trình kiến trúc. Thời Lý - Trần, di sản cổ vật chịu ảnh hưởng nhiều của văn hóa Phật giáo, tiêu biểu có tượng A di đà ở chùa Phật Tích. Đến thời Lê sơ, Nho giáo là quốc giáo, nghệ thuật điêu khắc tập trung ở những công trình nghệ thuật không Phật giáo.

Ở Hà Tĩnh, cổ vật bằng đá phát hiện nhiều vào thời Lê Trung hưng, chủ yếu là bia ký và tượng thú tại các cơ sở thờ tự. Bia ký cũng là kết quả truyền bá văn hóa, hội tụ văn hóa từ các vùng miền đến Hà Tĩnh.

3.3.2. Cổ vật bằng gốm

Việt Nam là một trong những quốc gia có nghề gốm sứ phát triển của thế giới. Đỉnh cao của văn hóa Lý - Trần là nghệ thuật gốm, là bước chuyển thứ hai của gốm sứ Việt.

Thời kỳ Lê sơ, sau khi Đại Việt giành được độc lập từ nhà Minh (Trung Hoa), thì nghệ thuật gốm có bước chuyển mình đặc trưng bởi gốm hoa lam. Gốm sứ Đại Việt thời kỳ Lê Trung hưng vẫn phát triển trên cơ sở và truyền thống cũ.

Đồ gốm ở Hà Tĩnh có từ lâu đời cách ngày nay từ 5.000 - 4.000 năm, được phát hiện ở các di tích khảo cổ học hậu kỳ đá mới. Tiếp nối truyền thống, Hà Tĩnh có 2 làng gốm là làng gốm Cổ Đạm và Cẩm Trang làm gốm hàng thế kỷ. Truyền bá văn hóa, giao lưu tiếp biến văn hóa được thể hiện rất rõ ở đồ gốm thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh.

3.3.3. Cổ vật bằng đồng

Cổ vật bằng đồng thời Đinh - Tiền Lê tồn tại cho đến ngày nay nổi bật nhất là 2 loại tiền đồng: Thái Bình Hưng Bảo và Thiên Phúc Trấn Bảo. Trên nền tảng truyền thống và sự giao thoa, tiếp biến văn hóa làm cơ sở cho phục dựng dần trở lại của đồ đồng vào thời Lý - Trần. Đồ đồng thời Lý - Trần lưu truyền đến ngày nay chủ yếu là chuông đồng và tiền đồng. Triều Trần mang truyền thống quá khứ của các đồng tiền giai đoạn Đinh, Tiền Lê và Lý. Thời kỳ Hậu Lê, cổ vật

bằng đồng tuy không có sự nổi trội so với cổ vật làm bằng chất liệu khác nhưng cũng có sự phát triển.

Tiền đồng ở Hà Tĩnh có từ thời Lê sơ trở về sau. Tiền thời Trần chưa phát hiện ở Hà Tĩnh. Tiền thể hiện sự giao lưu kinh tế dẫn đến truyền bá văn hóa. Điều này rất đúng với các đồng tiền ở Hà Tĩnh. Ngoài ra, chuông chùa Rối hay ấn sảnh Môn Hạ phát hiện ở Hà Tĩnh do chủ ý hay ngẫu nhiên cũng đều mang tính chất truyền bá văn hóa và hội tụ văn hóa. Tượng đồng ở Hà Tĩnh có tượng A Di Đà (chùa Hương Tích) và tượng Quan Thế Âm (chùa Mỹ Lộ) mang nhiều yếu tố dân gian vùng Nghệ Tĩnh.

3.3.4. Cổ vật bằng gỗ, giấy, vải

Thời Đông Sơn, cư dân đã biết dùng gỗ làm nhà, công cụ lao động, quan tài và những vật dụng của người Việt. Đến thời Lý - Trần, chất liệu được người Việt yêu thích sử dụng, là đồ đá, đất nung và đồ gốm. Thời kỳ Lê sơ là bước đệm cho sự đi xuống của chất liệu đá, đất nung để dần thay thế vào đó là chất liệu gỗ. Thời kỳ Mạc - Lê Trung hưng (thế kỷ XVI - XVIII), gỗ là chất liệu để các nghệ nhân phô diễn tài hoa, mang đậm tâm hồn Việt.

Giống với đồ gỗ, đồ vải cũng là chất liệu được người Việt biết đến và sử dụng rất sớm. Đồ gỗ, giấy, vải được sử dụng từ lâu đời. Thời Trần - Lê, ở Hà Tĩnh, những thứ được làm từ chất liệu này cũng được sử dụng. Tuy nhiên cho đến nay, ở Hà Tĩnh chưa phát hiện được đồ gỗ, giấy, vải từ thời Lê sơ trở về trước. Từ thời Lê Trung hưng, ở Hà Tĩnh đồ gỗ tiếp nối truyền thống thời kỳ trước đó, cũng được làm nhiều sản phẩm phục vụ con người nay chỉ còn một bản Trường học Phúc Giang. Đồ giấy thời Trần - Lê hiện nay tại Hà Tĩnh chỉ còn lại các sắc phong. Đồ vải thời Trần - Lê hiện nay có sắc phong bằng lụa triều vua Lê Kính Tông niên đại trên 400 năm phong cho Tể tướng, Chương Lục bộ Nguyễn Văn Giai ở xã Ích Hậu, huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

3.4. So sánh cổ vật thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh với các tỉnh lân cận

Cổ vật là DSVH đặc biệt phản ánh nhiều vấn đề về lịch sử, văn hóa, xã hội của địa phương và dân tộc. Nó thể hiện bề dày lịch sử, văn

hóa của mỗi vùng đất. Việc so sánh cổ vật thời Trần - Lê ở Hà Tĩnh với cổ vật thời Trần - Lê ở các tỉnh lân cận như Nghệ An và Quảng Bình cho ta thấy được sự tương đồng và khác biệt về lịch sử, văn hóa ở mỗi địa phương.

3.4.1. So sánh cổ vật thời Trần - Lê ở Hà Tĩnh với ở Nghệ An

Theo thống kê, Hà Tĩnh hiện nay có 1.800 di tích và 4.935 cổ vật thời Trần - Lê. Trong đó, nhiều di tích còn lưu giữ nhiều cổ vật thời Trần - Lê như sắc phong, bia ký, mộc bản...

Trong khi đó, Nghệ An là tỉnh giáp tỉnh Hà Tĩnh có 2602 di tích lịch sử - văn hóa. Các bảo tàng và các nhà sưu tập hội viên Hội cổ vật Sông Lam đã lưu giữ trên 5.000 cổ vật thời Trần - Lê.

So sánh cổ vật thời Trần - Lê ở Nghệ An và Hà Tĩnh thì cổ vật ở Nghệ An có tổng số lượng lớn hơn nhưng xét vào từng loại hình cụ thể bia ký Hà Tĩnh lớn hơn (Hà Tĩnh có 30 bia thời Lê Trung hưng, Nghệ An có 10 bia ký), sắc phong thời Lê Trung hưng, Nghệ An lớn hơn Hà Tĩnh (Nghệ An gần 300 sắc phong, Hà Tĩnh 202 sắc). Mộc bản Hà Tĩnh thời Lê Trung hưng có 379 cổ vật, trong khi đó Nghệ An không có.

Việc mộc bản Trường học Phúc Giang liên quan đến dạy học mà Nghệ An không có, cho thấy truyền thống hiếu học, học hành, khoa cử ở Hà Tĩnh phát triển, đậm đặc hơn ở Nghệ An vào thời Lê Trung hưng ít nhất là thông qua cổ vật hiện có ở 2 tỉnh.

3.4.2. So sánh cổ vật thời Trần - Lê ở Hà Tĩnh với ở Quảng Bình

Các cổ vật đồ dùng sinh hoạt thời Trần - Lê ở Quảng Bình có gần 300 cổ vật được lưu giữ tại Bảo tàng tỉnh Quảng Bình và các bộ sưu tập tư nhân.

Việc cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Quảng Bình ít hơn nhiều tại Hà Tĩnh có thể được giải thích là trong lịch sử Quảng Bình đến thế kỷ XI, vùng đất này mới nhập vào trong cương vực Đại Việt và trở thành vùng biên viễn, mật độ dân cư thưa thớt nên điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội còn hạn chế, việc truyền bá văn hóa thông qua cổ vật, trao đổi hàng hóa diễn ra không thường xuyên, thuận lợi hơn nhiều nên có sự khác biệt giữa Hà Tĩnh và Quảng Bình về mặt cổ vật là thấy rõ.

Tiểu kết

Như vậy, những đặc điểm về điều kiện tự nhiên, lịch sử và văn hóa của Hà Tĩnh đã tạo nên những đặc điểm của cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh.

Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh là kết quả lao động sáng tạo của bao thế hệ, được trao truyền lại cho đến ngày nay. Các giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ và kinh tế của chúng càng trở nên có ích.

Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh có những nét riêng gắn liền với lịch sử, văn hóa của tỉnh Hà Tĩnh trong tổng thể cổ vật thời Trần - Lê ở Việt Nam. Đó là kết quả của việc truyền bá văn hóa và tiếp biến văn hóa của các vùng trong cả nước.

Việc so sánh cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê tại Hà Tĩnh với cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê ở Nghệ An và Quảng Bình để thấy những đặc điểm chung và sự khác biệt để góp phần nghiên cứu lịch sử, văn hóa ở mỗi địa phương.

KẾT LUẬN

Nhìn chung, Hà Tĩnh một thời là vùng đất “địa linh nhân kiệt”, một thời là phen giậu của quốc gia Đại Việt ở phía Nam, nơi có truyền thống lịch sử, văn hóa từ lâu đời, giàu vốn DSVH do nhiều thế hệ tiền nhân vun đắp, để lại và được trao truyền cho các thế hệ hôm nay.

Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu cổ vật thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII), NCS đã chỉ ra được những ưu và nhược điểm của những công trình, đề tài nghiên cứu đi trước, từ đó đưa ra những nhận xét, bình luận; kế thừa những thành quả đạt được và khắc phục những mặt chưa đạt được, những hạn chế của các tác giả đi trước khi thực hiện đề tài liên quan đến luận án Tiến sĩ. Do đó, NCS chọn Cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh để nghiên cứu nhằm góp một phần công sức nhỏ bé của mình bổ sung hoàn thiện nội dung nghiên cứu theo hướng văn hóa học.

Thông qua việc nghiên cứu lựa chọn các lý thuyết, cách tiếp cận phù hợp khác nhau có tính chất định hướng chung, làm nền tảng cho tổng thể nghiên cứu đề tài luận án như lý thuyết truyền bá văn hóa, văn

hóa vùng, lý thuyết chức năng và lý thuyết về hệ giá trị, tiếp cận chỉnh thể đã góp phần rất lớn làm nên tính mới, những kết quả nghiên cứu cho luận án, đóng góp của luận án về mặt lý luận cũng như thực tiễn về nghiên cứu cổ vật nói chung và cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) nói riêng.

Luận án cũng đã đưa ra được những khái niệm cơ bản về DSVH, cổ vật qua đó nhận xét, so sánh, lựa chọn những khái niệm phù hợp, chính xác và được sử dụng phổ biến nhất tại Việt Nam hiện nay.

Để có cái nhìn chỉnh thể, cách tiếp cận chỉnh thể, NCS đã nêu được một cách khái quát nhất, cô đọng nhất những điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa, xã hội Việt Nam nói chung và các đặc điểm về tự nhiên, lịch sử, văn hóa, xã hội của Hà Tĩnh thời Trần - Lê nói riêng có ảnh hưởng, chi phối, liên quan đến việc hình thành cổ vật thời kỳ này cũng như những đặc điểm, giá trị của chúng. Đi sâu vào nghiên cứu, NCS đã chỉ ra được và cho thấy cổ vật thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh khá đa dạng và phong phú về chủng loại, chất liệu, mỹ thuật, chức năng sử dụng, niên đại kích thước và trọng lượng. Mỗi loại phản ánh mỗi khía cạnh lịch sử, văn hóa khác nhau giúp chúng ta có cái nhìn về đặc trưng và giá trị của cổ vật thời kỳ này tại Hà Tĩnh, phản ánh giai đoạn lịch sử của Hà Tĩnh và một phần của Việt Nam trong giai đoạn này. Trong luận án Tiến sĩ, NCS đã phân loại, thống kê rất chi tiết, từ đó phân tích những đặc điểm chính về hình thức và nội dung của cổ vật.

Qua áp dụng lý thuyết về hệ giá trị, những giá trị biểu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ, kinh tế kết tinh trong cổ vật Việt Nam thời Trần - Lê (từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVIII) tại Hà Tĩnh đã thể hiện được tầm quan trọng của nó trong việc thể hiện đầy đủ những cơ sở vững chắc trong nghiên cứu lịch sử, văn hóa, mỹ thuật ở địa phương, giải thích những hiện tượng lịch sử, những đặc trưng, quá trình kiến tạo bản sắc văn hóa Hà Tĩnh. Đó là những giá trị không thể bỏ qua khi muốn tìm hiểu về lịch sử, văn hóa địa phương một cách toàn diện và sâu sắc. Giá trị của cổ vật tạo nên vị thế cần được nghiên cứu và công bố rộng rãi trong giới khoa học cũng như công chúng./.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN**

1. Trần Phi Công (2021), “Giá trị lịch sử, văn hóa của hai bảo vật thời Trần ở Hà Tĩnh”, *Kỷ yếu Hội nghị Nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh năm 2020*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 11 - 22.
2. Trần Phi Công (2022), “Bia đá cổ thời Lê Trung hưng ở Hà Tĩnh”, *Kỷ yếu Hội nghị Nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh năm 2021*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr. 11 - 20.
3. Trần Phi Công (2024), “Đặc trưng và giá trị của sắc phong thời Lê Trung hưng ở Hà Tĩnh”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 584, tr.36 - 40.
4. Trần Phi Công (2024), “Giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học và thẩm mỹ của tiền kim loại thời Hậu Lê ở Hà Tĩnh”, Tạp chí *Mỹ thuật*, số 381 & 382, tr. 30 - 33.